TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-8-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 106/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978 (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Trần Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2000, đến năm 2004 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn

ngày 13 tháng 9 năm 2004. Chị và anh Trần Văn Đ có 03 người con chung tên: Trần Văn Đ1, sinh ngày 01/10/2001, Trần Quốc Đ2, sinh ngày 06/3/2005 và Trần Phương A, sinh ngày 14/9/2016, hiện nay đang chung sống với chị; về tài sản chung, chị và anh Trần Văn Đ không có và không tranh chấp; về nợ, chị và anh Trần Văn Đ không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Trần Văn Đ sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, đến tháng 3/2022 anh chị sống ly thân cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Trần Văn Đ không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Trần Phương A, sinh ngày 15/9/2016, chị không yêu cầu anh Trần Văn Đ cấp dưỡng nuôi con, còn 02 người con chung tên Trần Văn Đ1, sinh ngày 01/10/2001 và Trần Quốc Đ2, sinh ngày 06/3/2005, hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, không có, chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Trần Phương A, sinh ngày 14/9/2016 như sau*:

Trần Phương A là con của anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tr, từ khi cha và mẹ của Trần Phương A không còn chung sống với nhau thì Trần Phương A sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Tr. Nếu mẹ cha của Trần Phương A ly hôn thì Trần Phương A có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Nguyễn Thị Tr. Trần Phương A cam kết chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại Biên bản xác minh ngày 11/01/2023, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tr, cư trú tại ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, anh chị chung sống với nhau được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Thời gian anh chị chung sống có được 03 người con chung, hiện nay đang chung sống với chị Nguyễn Thị Tr, được chăm sóc và phát triển tốt.

** Bị đơn anh Trần Văn Đ*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Trần Văn Đ biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị Tr nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Trích lục kết hôn Nguyễn Thị Tr và Trần Văn Đ (Bản sao); Căn cước công dân Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978 và sổ hộ khẩu gia đình (Bản sao); 03 Giấy khai sinh Trần Văn Đ1, sinh ngày 01/10/2001, Trần Quốc Đ2, sinh ngày 06/3/2005 và Trần Phương A, sinh ngày 14/9/2016 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 26/8/2022 của chị Nguyễn Thị Tr (Bản chính); Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Trần Phương A (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 11/01/2023 của Toà án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Trần Phương A, sinh ngày 14/9/2016 theo nguyện vọng của Trần Phương A, chị không yêu cầu anh Trần Văn Đ cấp dưỡng nuôi con; 02 người con chung tên Trần Văn Đ1 và Trần Quốc Đ2, hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chị tự xác định, chị và anh Trần Văn Đ không có tài sản chung, chị cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Đ vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Trần Văn Đ. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị tên Trần Phương A cho chị Nguyễn Thị Tr tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của Trần Phương A, 02 người con chung tên Trần Văn Đ1 và Trần Quốc Đ2 hiện nay đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị Tr không yêu cầu, tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị Tr tự xác định không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn Đ và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn Đ biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Trần Văn Đ nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Trần Văn Đ vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trần Văn Đ nhưng anh Trần Văn Đ vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên toà chị Nguyễn Thị Tr không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Tr và anh Trần Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 189 ngày 13/9/2004, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Trần Văn Đ, thời gian chị và anh Trần Văn Đ chung sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, đến tháng 3/2022 anh chị sống ly thân cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Trần Văn Đ không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Đ, nhưng anh Trần Văn Đ không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm

đến việc chị Nguyễn Thị Tr yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Tr cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr, cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Trần Văn Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Nguyễn Thị Tr và anh Trần Văn Đ có 03 người con chung tên: Trần Văn Đ1, sinh ngày 01/10/2001, Trần Quốc Đ2, sinh ngày 06/3/2005 và Trần Phương A, sinh ngày 14/9/2016. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Trần Phương A; anh Trần Văn Đ không có ý kiến yêu cầu gì, đồng thời con chung của anh chị tên Trần Phương A có nguyện vọng chung sống với chị Nguyễn Thị Tr, từ khi anh chị ly thân đến nay con chung của anh chị chung sống với chị Nguyễn Thị Tr, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tr và nguyện vọng của Trần Phương A, giao người con chung của anh chị tên Trần Phương A, sinh ngày 14/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. 02 người con chung của anh chị tên Trần Văn Đ1 và Trần Quốc Đ2, hiện nay đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị Tr không yêu cầu anh Trần Văn Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị Tr tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị Nguyễn Thị Tr cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên Trần Phương A, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, hiện nay đang chung sống với chị Nguyễn Thị Tr. 02 người con chung của anh chị tên Trần Văn Đ1, sinh ngày 01/10/2001 và Trần Quốc Đ2, sinh ngày 06/3/2005, hiện nay đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Tr không yêu cầu anh Trần Văn Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Thị Tr tự xác định, anh chị không có tài sản chung, chị Nguyễn Thị Tr cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003832 ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Tr đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 04/8/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã T, AB;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo